

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024; Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản; số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; số 10/2025/NĐ-CP ngày 11/01/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực khoáng sản; số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (trước đây là Bộ Tài nguyên và Môi trường): Số 37/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 quy định mẫu báo cáo, tài liệu, giấy phép và quyết định trong hoạt động thăm dò khoáng sản; số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản; số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017 quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn;

Căn cứ Quyết định số 2069/QĐ-UBND ngày 14/6/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lặc (nay là xã Ngọc Liên, tỉnh Thanh Hóa);

Xét hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản của Công ty TNHH đá ốp lát Quyết Chiến ngày 15/5/2025 nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 1324/TTr-SNNMT ngày 25/10/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH đá ốp lát Quyết Chiến được thăm dò khoáng sản với các thông tin như sau:

1. Loại khoáng sản: Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường
2. Vị trí khu vực thăm dò: xã Ngọc Liên, tỉnh Thanh Hóa;
3. Diện tích khu vực thăm dò: 1,8704 ha, được giới hạn bởi các điểm khép góc có tọa độ xác định theo Phụ lục và bản đồ kèm theo Giấy phép này.
4. Phương pháp và khối lượng công tác thăm dò: Theo Đề án thăm dò khoáng sản được thẩm định kèm theo Tờ trình số 1324/TTr-SNNMT ngày 25/10/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.
5. Thời gian thăm dò: 24 tháng, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

Điều 2. Công ty TNHH đá ốp lát Quyết Chiến có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí, lệ phí có liên quan theo quy định hiện hành.
2. Thực hiện thăm dò đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường theo phương pháp và khối lượng tại Đề án thăm dò khoáng sản được thẩm định kèm theo Tờ trình số 1324/TTr-SNNMT ngày 25/10/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.
3. Lựa chọn tổ chức có năng lực tiến hành thi công công tác thăm dò theo quy định của pháp luật. Thực hiện thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường theo phương pháp và khối lượng đã quy định tại Điều 1 của Giấy phép, Đề án thăm dò đã được UBND tỉnh chấp thuận và các quy định khác của pháp luật có liên quan; thi công các hạng mục công việc đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường; áp dụng công nghệ hiện đại, kỹ thuật tiên tiến để thực hiện thăm dò, thu thập và tổng hợp đầy đủ, chính xác các số liệu, tài liệu, kết quả thăm dò; kiểm tra và chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng và tính trung thực của tài liệu thi công thực tế; bảo quản lưu giữ đầy đủ các tài liệu nguyên thủy, tài liệu thực tế có liên quan và các mẫu vật địa chất, khoáng sản theo quy định hiện hành. Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước

pháp luật về số liệu, thông tin trong báo cáo kết quả thăm dò của đơn vị.

4. Thông báo kế hoạch, thời gian triển khai thi công các hạng mục công tác thăm dò cho Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa; chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa trong toàn bộ quá trình thi công thăm dò khoáng sản.

5. Tiến hành phân tích các loại mẫu tại các cơ sở đạt tiêu chuẩn VILAS, LAS-XD; làm rõ chất lượng, trữ lượng khoáng sản cho mục đích sử dụng. Trước khi tiến hành lấy mẫu công nghệ, phải đăng ký khối lượng, vị trí, thời gian, phương pháp lấy mẫu tại Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra ngoài thực địa và giám sát thực hiện.

6. Thực hiện đúng chế độ báo cáo định kỳ theo quy định hiện hành.

7. Trình thẩm định, công nhận kết quả thăm dò theo quy định; nộp báo cáo vào lưu trữ theo quy định hiện hành.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hoạt động thăm dò khoáng sản theo giấy phép này, Công ty TNHH đá ốp lát Quyết Chiến chỉ được phép thực hiện sau khi thông báo chương trình và khối lượng thăm dò cho Sở Nông nghiệp và Môi trường và chính quyền địa phương để phối hợp quản lý, kiểm tra và xác định cụ thể diện tích, tọa độ, mốc giới khu vực thăm dò tại thực địa./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (b/cáo);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Ngọc Liên;
- Công ty TNHH đá ốp lát Quyết Chiến;
- Lưu: VT, CN (T11.15).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

**RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ MỎ ĐÁ VÔI LÀM
VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI XÃ NGỌC LIÊN,
TỈNH THANH HÓA**

(Kèm theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số /GP-UBND
ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN 2000 (Kinh tuyến trực 105°00', múi chiếu 3°)	
	X (m)	Y (m)
1	2219 124,00	552 188,00
2	2219 254,00	552 179,00
3	2219 253,87	552 262,36
4	2219 175,40	552 233,67
5	2219 134,68	552 264,88
6	2219 135,40	552 270,99
7	2219 117,00	552 271,00
8	2218 994,00	552 186,00
9	2219 033,00	552 120,00
Khu vực thăm dò S = 1,8704 ha		